TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DSST
Ngày 11/7/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phượng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trương Ngọc Lễ.

2. Ông: Đinh Thế Hồi.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Điệp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Cẩm T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, nguyên đơn- chị Bùi Thị Cẩm T trình bày:

Vào ngày 14/3/2022 âm lịch, chị Nguyễn Thị T trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum có vay chị Bùi Thị Cẩm T số tiền là 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* và nhờ con gái chị T là cháu Vũ Thị H nhận tiền thay (có giấy viết tay do cháu H viết và ký nhận). Đến ngày 22/5/2022 (Âm lịch), chị Nguyễn Thị T tiếp tục vay chị Bùi Thị Cẩm T số tiền 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*, hẹn sau 30 ngày sẽ trả (có giấy viết tay do chị Bùi Thị Cẩm T viết và chị Nguyễn Thị T ký nhận phía dưới dòng chữ người mượn tiền). Mục đích vay tiền là để lấy hàng hóa bán trong dịp tết. Cả hai lần vay tiền đôi bên đều không thỏa thuận tiền lãi suất phát sinh. Tổng cộng số tiền hai lần chị Nguyễn Thị T vay của chị Bùi Thị Cẩm T là 265.000.000đồng.

Khi đến hạn trả tiền, chị Bùi Thị Cẩm T đã đến đòi nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị T cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến khoảng gần tết nguyên đán năm 2023, chị Bùi Thị Cẩm T đến nhà tiếp tục yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả tiền thì chị Nguyễn Thị T cứ khất lần rồi sau đó bỏ nhà đi và thay đổi cả số điện thoại thường ngày chị em vẫn liên lạc trao đổi, gây nhiều khó khăn cho chị Bùi Thị Cẩm T .

Quá trình giải quyết, chị Bùi Thị Cẩm T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/3/2022 âm lịch.

Vì chị Nguyễn Thị T cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên chị Bùi Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T trả cho chị Bùi Thị Cẩm T số tiền gốc đã vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày vay 22/5/2022 âm lịch đến ngày 22/11/2022 âm lịch với mức lãi suất 0,8%/tháng, thành tiền là 12.960.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Chị Bùi Thị Cẩm T giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* theo giấy mượn tiền ngày 14/3/2022 âm lịch và rút một phần tiền lãi, cụ thể số tiền 2.960.000đ *(Hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng)*.

Giữ nguyên yêu cầu, buộc chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền gốc vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh là 10.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc vay và lãi là 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng),* ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn - chị Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị Nguyễn Thị T luôn cố tình vắng mặt không có lý do không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không cung cấp tài liệu chứng cứ gì hay yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ. Vì thế, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật:

+ Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 91, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòaán ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Đề nghị HĐXX:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền vay là 15.000.000đồng và lãi phát sinh là 2.960.000đồng đã được nguyên đơn- chị Bùi Thị Cẩm T rút yêu cầu.

2. Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm T về việc buộc chị Nguyễn Thị T trả số tiền vay còn nợ là 250.000.000đồng và lãi suất phát sinh là 10.000.000đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Bùi Thị Cẩm T tổng số tiền là 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị Bùi Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị T không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

3 Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 13.000.000đồng *(Mười ba triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Cẩm T số tiền án tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 6.949.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002960 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

+ Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 13.000.000đ *(Mười ba triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Bùi Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị Nguyễn Thị T trả cho chị số tiền đã mượn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy mượn tiền đề ngày 14/3/2022 âm lịch và ngày 22/5/2022 âm lịch. Tòa án thụ lý đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố 3 thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn – chị Nguyễn Thị T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Bùi Thị Cẩm T khẳng định, chị và chị Nguyễn Thị T là bạn bè quen biết và chơi với nhau đến nay khoảng hơn 10 năm. Cả hai đều làm nghề buôn bán ngoài chợ. Vào ngày 14/3/2022 âm lịch, chị Nguyễn Thị T hỏi chị Bùi Thị Cẩm T để mượn tiền, số tiền 15.000.000đồng, được chị Bùi Thị Cẩm T đồng ý. Sau đó, con gái chị Nguyễn Thị T là chị Vũ Thị H đến nhà chị T nhận số tiền này thay chị Nguyễn Thị T đồng thời chị Vũ Thị H là người trực tiếp viết giấy nhận tiền và hẹn với chị T là mai mẹ (chị Nguyễn Thị T) viết lại giấy mượn tiền sau. Do đó, trong giấy mượn tiền này chưa ghi thời hạn trả nợ.

Đến ngày 22/5/2022 âm lịch, chị Nguyễn Thị T tiếp tục mượn của chị T số tiền 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*, mục đích vay tiền là để lấy hàng hóa về trữ bán trong cuối năm và hẹn sau 30 ngày sẽ trả đủ số tiền này cho chị T. Chị T viết giấy mượn tiền và chị Nguyễn Thị T ký nhận phía dưới dòng chữ người mượn tiền. Cả hai lần mượn tiền, đôi bên đều không thỏa thuận về lãi suất.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 02(hai) giấy mượn tiền bản viết tay, cụ thể: Giấy mượn tiền ghi ngày 14/3/2022 âm lịch và ngày 22/5/2022 âm lịch. Nội dung hai giấy mượn tiền này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn là chị Bùi Thị Cẩm T.

[4] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị Bùi Thị Cẩm T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000.000 đồng mà chị Nguyễn Thị T mượn ngày 14/3/2022 âm lịch và lãi suất phát sinh là 2.960.000đồng.

Việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này.

[5] Xét phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn thấy rằng:

Việc chị Bùi Thị Cẩm T và chị Nguyễn Thị T ký kết vay mượn tiền vào ngày 22/5/2022 âm lịch với số tiền 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)* là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó, việc xác nhận nợ trong Giấy mượn tiền ngày 22/5/2022 âm lịch có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

Khi đến hạn, chị Nguyễn Thị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết mặc dù chị Bùi Thị Cẩm T đã nhiều lần yêu cầu chị Nguyễn Thị T thu xếp trả nợ.

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về khoản nợ đối với yêu cầu khởi kiện của Bùi Thị Cẩm T, cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

Đối với số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 250.000.000đồng vay ngày 22/5/2022 âm lịch, chị T yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả tiền lãi là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Giấy mượn tiền đề 22/5/2022 âm lịch thể hiện không có lãi, thời hạn trả nợ là 30 ngày sau kể từ ngày vay, chị Nguyễn Thị T phải hoàn trả toàn bộ số tiền vay. Khi đến hạn, chị Nguyễn Thị T không trả nợ nên chị T có quyền yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy, yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm T, buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Bùi Thị Cẩm T số tiền 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng),* trong đó tiền gốc vay là 250.000.000đồng và lãi suất phát sinh là 10.000.000đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn- chị Nguyễn Thị T phải chịu 13.000.000đồng *(Mười ba triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Cẩm T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.949.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002960 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 91, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòaán ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Xử:

[1]. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền vay là 15.000.000đồng và lãi phát sinh là 2.960.000đồng đã được nguyên đơn- chị Bùi Thị Cẩm T rút yêu cầu.

[2]. Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm T.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Bùi Thị Cẩm T tổng số tiền là 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng);* trong đó số tiền gốc vay là 250.000.000đ và lãi phát sinh là 10.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị Bùi Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị T không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 13.000.000đồng *(Mười ba triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Cẩm T số tiền án tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 6.949.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002960 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét

xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS h. Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án./

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Phượng